TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số:22/2019/DS-ST
Ngày: 24/9/2019
V/v:"Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, ĐẮK LẮK

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lữ Đình Tính.

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Ngọc Huỳnh.

2. Ông: Nguyễn Đình Nghịch.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thúy Vịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắkăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắkăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thụ lý số 78/2019/TLST- DS ngày 11/04/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-DS, ngày 16/8/2019 và Quyết định hoãn phiên toà số 25/2019/QĐST – DS ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: số 02 L, quận B, thành phố H.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch hội đồng thành viên.

- Người đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Võ Đình T. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – chi nhánh huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: 334B, G, Thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thanh T1.

Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch E - Ngân hàng N - chi nhánh huyện K (Theo văn bản ủy quyền số: 114/UQ-NHNo-KPK ngày 25 tháng 3 năm 2019).

- **Bị đơn:** Bà Phạm Thị A (Vắng mặt).

Nơi ĐKHKTT: Thôn 5A, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 2A, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2019 và tại phiên toà hôm nay người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T1 trình bày:

Ngày 17 tháng 6 năm 2016, Ngân hàng N, chi nhánh huyện K, phòng giao dịch E (Ngân hàng) và bà Phạm Thị A ký kết hợp đồng tín dụng số 5200LAV-2016700802, theo đó Ngân hàng có cho bà Phạm Thị A vay số tiền là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng); Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 17/6/2016, mức lãi suất thỏa thuận 11%/năm; lãi quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận; Mục đích vay vốn: Chăn nuôi heo thịt.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên bà Phạm Thị A thế chấp cho Ngân hàng:

1/ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 862722, tại thửa đất số 116b, tờ bản đồ số 24; diện tích 188m^2. Địa chỉ lô đất: Xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Lô đất được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 07/11/2011 đứng tên ông Nguyễn Đình C. Nội dung thay đổi cơ sở pháp lý để thừa kế cho bà Phạm Thị A, theo hồ sơ số 1320TK002, ngày 14/6/2016.

2/ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AĐ 314067, tại thửa đất số 211, tờ bản đồ số 23; diện tích 1820m^2, địa chỉ lô đất: Xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Lô đất được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/12/2005 đứng tên hộ ông Nguyễn Đình C và bà Trần Thị D. Nội dung thay đổi cơ sở pháp lý để thừa kế cho bà Phạm Thị A, theo hồ sơ số K006, ngày 14/6/2016.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được công chứng tại Văn phòng công chứng TN, I 6, Thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

và đã được đăng kí thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng kí đất đai huyện K ngày 17/06/2016.

Từ khi vay đến nay bà A mới trả cho Ngân hàng 16.940.000đ (Mười sáu triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền lãi suất vào ngày 31/12/2016 ngoài ra bà chưa trả cho Ngân hàng thêm khoản tiền nợ gốc và lãi nào. Vì Vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị A phải trả số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) tiền vay gốc, và khoản lãi suất trong hạn và quá hạn theo hợp đồng tín dụng từ ngày vay đến ngày trả xong nợ.

Trong trường hợp bà Phạm Thị A không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì đề nghị Toà án nhân dân huyện K tuyên quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Quá trình tham gia tố tụng tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18/06/2019, bị đơn bà Phạm Thị A thống nhất với lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về toàn bộ nội dung hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp hai bên đã ký kết. Tuy nhiên bà A cho rằng do làm ăn bị thua lỗ mất mùa nên cho đến nay bà mới trả cho Ngân hàng được 16.940.000đ (Mười sáu triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền lãi suất vào ngày 31/12/2016 và bà chưa trả được toàn bộ nợ gốc và tiền lãi suất phát sinh còn lại theo thỏa thuận. Bà A thừa nhận hiện nay bà còn nợ Ngân hàng 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) tiền vay gốc và lãi suất phát sinh từ ngày vay đến nay theo mức lãi suất đã ký kết trong hợp đồng mà nguyên đơn đã trình bày. Nguyện vọng của bà xin Ngân hàng tạo điều kiện gia hạn trả nợ đến tháng 2 năm 2020.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham dự phiên tòa phát biểu: Việc tiếp nhận đơn khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, thụ lý và ra thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phạm Thị A đã vi phạm tại các Điều 70, 72 và điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 323,463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N. Buộc bà Phạm Thị A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) tiền vay gốc và lãi suất phát sinh theo hợp đồng từ ngày vay đến ngày trả xong nợ. Trường hợp bà A không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì đề nghị Toà án nhân dân huyện Krông Pắc tuyên quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng N, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắkắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Đây là tranh chấp dân sự được quy định tại Khoản 3 Điều 26 BLTTDS và Điều 463 BLDS của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện bị đơn bà Phạm Thị A cư trú tại thôn 2A, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắkắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn bà Phạm Thị A vắng mặt nên HĐXX đã hoãn phiên tòa và tống đạt quyết định hoãn phiên tòa cho bà Phạm Thị A. Tại phiên tòa hôm nay bà A vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do vậy, HĐXX áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Phạm Thị A.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Ngày 17 tháng 6 năm 2016 bà Phạm Thị A vay Ngân hàng N - chi nhánh huyện K, phòng giao dịch E số tiền 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu đồng), được thể hiện tại hợp đồng tín dụng số 5200LAV-2016700802 và sự thừa nhận của bà Phạm Thị A. Về lãi suất hai bên thỏa thuận 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: Chăn nuôi heo thịt.

Trong quá trình vay vốn bà Phạm Thị A mới trả cho Ngân hàng 16.400.000đ tiền lãi suất trong hạn ngoài ra bà A chưa trả cho Ngân hàng thêm khoản tiền nợ

gốc và lãi nào. Hiện nay đã quá hạn nhưng bà A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng đã ký kết và theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác"*

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ, nên cần buộc bà Phạm Thị A phải trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc 280.000.000 đồng tiền gốc là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Về lãi suất: Theo thỏa thuận của các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nói trên thì mức lãi suất trong hạn là 11%/ năm, lãi suất quá hạn được tính 150% của lãi suất trong hạn. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, để tính lãi suất theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể như sau:

Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 17/06/2016 đến ngày 17/06/2017 là: 366 ngày x 280.000.000đ x 11%/năm: 365 ngày = 30.884.384 đồng.

Tổng tiền lãi trong hạn 30.884.384đ, đã trả 16.400.000đ, còn lại phải trả **13.944.384 đồng.**

Lãi suất quá hạn tính từ ngày 18/06/2017 đến ngày 24/9/2019 là: 829 ngày x 280.000.000đ x 16,5%: 365 ngày = **104.930.959 đồng.**

Tổng số tiền lãi trong hạn và quá hạn phải trả, tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 118.875.342 đồng. Đối với tiền lãi chậm trả nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Như vậy, buộc bà Phạm Thị A phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là: 398.875.342 đồng (Ba trăm chín mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Kể từ ngày 25/9/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về hợp đồng thế chấp: Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: HQ20160616, ngày 16/6/2016 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng TN, I 6, Thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và đã được đăng kí thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng kí đất đai huyện K ngày 17/06/2016, tài sản

thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 862722, tại thửa đất số 116b, tờ bản đồ số 24; diện tích 188m^2. Địa chỉ lô đất: Xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Lô đất được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/11/2011 đứng tên ông Nguyễn Đình C. Nội dung thay đổi cơ sở pháp lý để thừa kế cho bà Phạm Thị A, theo hồ sơ số 1320TK002, ngày 14/6/2016 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 314067, tại thửa đất số 211, tờ bản đồ số 23; diện tích 1820m^2, Địa chỉ lô đất: Xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Lô đất được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/12/2005 đứng tên hộ ông Nguyễn Đình C và bà Trần Thị D. Nội dung thay đổi cơ sở pháp lý để thừa kế cho bà Phạm Thị A, theo hồ sơ số K006, ngày 14/6/2016. Xét việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa các đương sự đã ký kết là tự nguyện, tuân thủ nội dung và hình thức, đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Vì vậy việc thế chấp trên của các bên đương sự là hợp pháp, đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 317, 318, 323 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Trường hợp bà Phạm Thị A không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng N có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc đề nghị cơ quan thi hành án phát mại các tài sản thế chấp để thanh toán nợ trong phạm vi nghĩa vụ bảo đảm 280.000.000đ tiền vay gốc và các khoản tiền lãi suất phát sinh, các khoản phí và chi phí phát sinh trên số tiền vay gốc.

Sau khi bà A thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho bà A theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án. Buộc bà Phạm Thị A phải chịu 19.944.000 đồng (Mười chín triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo mức tính: 398.875.342 đồng x 5% = 19.944.000đ. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 9.006.277 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317, 318, 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bà Phạm Thị A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền 398.875.342 đồng (Ba trăm chín mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Trong đó tiền vay gốc là 280.000.000 đồng, tiền lãi là 118.875.342 đồng.

Kể từ ngày 25/9/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp bà Phạm Thị A không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng N có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc đề nghị cơ quan thi hành án phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 862722, tại thửa đất số 116b, tờ bản đồ số 24; diện tích 188m^2. Địa chỉ lô đất: Xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Lô đất được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/11/2011 đứng tên ông Nguyễn Đình C. Nội dung thay đổi cơ sở pháp lý để thừa kế cho bà Phạm Thị A, theo hồ sơ số 1320TK002, ngày 14/6/2016.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 314067, tại thửa đất số 211, tờ bản đồ số 23; diện tích 1820m^2, Địa chỉ lô đất: Xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Lô đất được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/12/2005 đứng tên hộ ông Nguyễn Đình C và bà Trần Thị D. Nội dung thay đổi cơ sở pháp lý để thừa kế cho bà Phạm Thị A, theo hồ sơ số K006, ngày 14/6/2016.

Sau khi bà Phạm Thị A thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại tài sản đã thế chấp gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 862722 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 07/11/2011 đứng tên ông Nguyễn Đình C. Nội dung thay đổi cơ sở pháp lý để thừa kế cho bà Phạm Thị A, theo hồ sơ số 1320TK002, ngày 14/6/2016 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 314067 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 27/12/2005 đứng tên hộ ông Nguyễn Đình C và bà Trần Thị D. Nội dung thay đổi cơ sở pháp lý để thừa kế cho bà Phạm Thị A, theo hồ sơ số K006, ngày 14/6/2016

Về án phí: Buộc bà Phạm Thị A phải chịu 19.944.000 đồng (Mười chín triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 9.006.277 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lại thu số AA/2017/0011182 ngày 10/4/2019.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Phạm Thị A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lữ Đình Tính

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.